

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, THÁCH THỨC HÔM QUA VÀ HÔM NAY NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG¹

Gs.TsKH. Nguyễn Ngọc Trân

Một châu thổ sông là kết quả tổng hòa của quá trình tương tác giữa ba yếu tố *sông, sóng* và *triều*. Nằm ở tận cùng của châu thổ sông Mekong giáp với biển, Đồng bằng sông Cửu Long được hình thành từ khoảng 6000 năm nay từ trầm tích mà sông Mekong tải ra biển cộng với quá trình biển lùi. *Nước* và *trầm tích* là hai yếu tố thuộc về bản chất của đồng bằng.

Là một châu thổ trẻ, mẫn cảm với các tác động từ bên ngoài và từ bên trong, đồng bằng sông Cửu Long đang chịu *tác động kép* từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng và từ việc sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn. Gọi là *kép* vì hai tác động này không tách biệt nhau mà quyện vào nhau.

Những thách thức ngày hôm qua

Sau năm 1975, Việt Nam bắt tay vào quy hoạch khai thác ĐBSCL. Các vấn đề cần hiểu rõ và giải quyết cho được và đúng quy luật, là *phèn, chua* và *mặn* để khai thác ba tiểu vùng đất rộng người thưa lúc bấy giờ là *Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên* và *Bán đảo Cà Mau*.

Thách thức của khi đó đối với đồng bằng, đặc biệt trong 3 tiểu vùng, là vào mùa mưa thì thừa nước, lũ ngập mênh mông, nhưng vào mùa khô thì thiếu nước trầm trọng, đất nứt nẻ, phèn xì lên từ những lớp đất phèn bên dưới bị oxy hóa. Lại thêm vào mùa khô, nước mặn theo triều xâm nhập sâu vào đồng bằng. Đầu mùa mưa, phèn được rửa, chảy vào kênh rạch kéo độ pH xuống thấp. Phải chờ cho đất bớt phèn mới canh tác lúa được.

Việt Nam đã vượt qua khá thành công thách thức này.

Ở Việt Nam, không có “Vạn lý trường thành” nhưng ĐBSCL có “Vạn lý đường kênh” cho phép ém phèn, tháo chua, rửa mặn để canh tác lúa. (*Hình 1*).

Mặt khác, chính quyền các cấp và nhân dân cũng đã xây dựng rất nhiều công ngăn mặn, nhằm giữ ngọt và “ngọt hóa” những vùng bị nhiễm mặn. Mục đích là để tăng diện tích canh tác lúa hai vụ nơi nào có thể.

Tổng sản lượng lúa năm 1986 của đồng bằng vào khoảng 7 triệu tấn. Nay, xấp xỉ 24 triệu. Xuất khẩu gạo hiện nay mang lại trên dưới 90% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước mặt hàng này.

¹ Phát biểu dẫn đầu tại hội thảo “*Sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong*”, Cần Thơ, 22 – 23.04.2016 và tham luận của tác giả trong các phiên thảo luận.

Cái giá phải trả cho nỗ lực đẩy mạnh sản xuất lúa gạo, làm tròn nhiệm vụ “*vừa lúa của cả nước*” là diện tích rừng trầm biến mất nhanh chóng trong Đồng Tháp Mười, trong Tứ giác Long Xuyên và tại rừng U Minh (Thượng và Hạ). Các vùng trũng bị “chất nước” cạn để tăng vụ, chứa đựng nguy cơ mực nước thủy cấp trong khu vực sẽ hạ thấp khi nước sông Mekong về đồng bằng không còn dồi dào như trước nữa. (Hình 2).

Tiếp tục tăng trưởng theo chiều rộng, nhiều tỉnh, bắt đầu từ An Giang, Đồng Tháp, bao để vượt lũ để làm lúa vụ 3 từ những năm 1990. Tổng diện tích lúa vụ ba có đến trên 300.000 ha. Tăng trưởng được đánh đổi bằng chế độ thủy văn bị xáo trộn bên ngoài để bao. Bên trong thì độ phì của đất giảm sút, môi trường suy thoái.

Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, kể cả thủy sản biển còn khiêm tốn trong thập niên 1980. Nay tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản ĐBSCL chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước mặt hàng này.

Diện tích nuôi tôm lớn lên từng ngày. Quy hoạch diện tích nuôi tôm cho 5 năm đã được các tỉnh ven biển từ Bến Tre đến Kiên Giang hoàn thành trong 1 đến 2 năm, thậm chí có nơi còn nhanh hơn. Một động lực nằm ở cánh kéo giữa giá lúa và giá tôm. “Một tôm bằng 12 lúa” lúc bấy giờ.

Có cả những công ngăn mặn giữ ngọt trước đây được xây để canh tác lúa, bị bừa ra để lấy nước mặn nuôi tôm. Có nhiều công ngăn mặn trong vùng ngọt hóa ở Bán đảo Cà Mau được mở ra để cho nước mặn vào các vuông tôm trong vùng.

Cái giá phải trả còn là mất rừng ngập mặn để đào vuông nuôi tôm. Thiếu nước ngọt để giữ cho độ mặn trong ao phù hợp cho nuôi tôm, nước ngầm đã được bơm lên. Ở một số nơi trong vùng đã ngọt hóa, người dân còn khai thác *nước ngầm* để đảm bảo độ mặn trong vuông cho tôm phát triển. (Hình 3).

Như vậy, hiện nay bên cạnh *thách thức từ thiên nhiên về nước*, ngày càng lớn lên *thách thức từ con người tại địa bàn* khai thác tài nguyên nước mà không quan tâm đủ đến môi trường.

Có phải chúng ta đã *hiểu hết* về đồng bằng, *hiểu rõ* những phản ứng của vùng đất này để khai thác nó đúng quy luật? Tôi nghĩ là *chưa*. *Tiếp tục theo dõi, điều tra nghiên cứu* (không chỉ về khoa học tự nhiên mà còn cả về kinh tế xã hội) *vẫn là cần thiết*.

Nếu không, lợi sẽ bắt cập hại, *cái lợi trước mắt* sẽ không bù được cái hại trong trung và dài hạn về tài nguyên nước và môi trường nói chung. Nhận thức về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, một cột trụ của phát triển bền vững trở thành một thách thức, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Những thách thức hôm nay và ngày mai

Hiện nay và trong thời gian tới, ĐBSCL phải đương đầu với ít nhất *hai thách thức toàn cầu*, *một thách thức khu vực* và *một thách thức từ chính sự khai thác đồng bằng*.

Toàn cầu, đó là biến đổi khí hậu, nước biển dâng, và toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập quốc tế.

Châu thổ sông Mekong được đánh giá là một trong ba châu thổ lớn của thế giới bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi biến đổi khí hậu. Trái đất càng ấm lên, băng tan càng nhanh, ĐBSCL càng phải đối đầu với *ngập, lún chìm, bờ biển bị xâm thực và mặn ngày càng xâm nhập sâu.*

Trong bối cảnh bị đe dọa như vậy, thách thức từ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế buộc nền kinh tế đồng bằng phải có *sức cạnh tranh cao hơn* và phải *có chỗ đứng trong chuỗi giá trị toàn cầu* trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hồi phục chậm và hàm chứa những yếu tố bất ổn không lường trước được.

Thách thức khu vực đó là việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn châu thổ, trong đó có việc *chuyển nước sang lưu vực sông khác*, và nhất là việc *khai thác thủy điện* trên dòng chính sông Mekong từ cao nguyên Tây tạng trở xuống trong khi nhu cầu về nước ngày càng tăng.

Theo Ủy hội sông Mekong (MRC) (2009), 6 đập thủy điện của Trung Quốc + 11 đập ở hạ lưu vực + 30 đập trên các chi lưu sẽ tích lại một lượng nước của sông Mekong vào năm 2030 là 65,5 tỷ m³ trong khi đó *nhu cầu về nước* trong hạ lưu vực vào năm này sẽ tăng 50% so với năm 2000.

Nhóm chuyên gia về trầm tích, trong Phụ lục của Báo cáo SEA của MRC đã đánh giá: “Tác động của các đập của Trung Quốc đối với trầm tích sông Mekong là rất to lớn, trong hàng trăm năm, một khi tất cả các đập đi vào hoạt động. Lượng trầm tích của sông Mekong ước tính sẽ bị các đập Trung Quốc giữ lại vào khoảng từ 1/3 đến 1/2 của tổng lượng trầm tích bình quân chảy về châu thổ sông Mekong”².

Các đập thủy điện giữ lại trầm tích trong hồ, gây nên thâm hụt trong cân cân trầm tích ở hạ du, làm thay đổi địa mạo lòng sông và cửa biển. Sự sạt lở nghiêm trọng đê biển ở Gành Hào, đường phòng hộ ven biển ở Bạc Liêu mà tôi vừa khảo sát cuối tháng 2.2016 là một minh họa cụ thể của *tác động kép* lên đồng bằng từ biến đổi khí hậu và từ khai thác nguồn nước ở thượng nguồn.

Trong thách thức khu vực, còn có việc xây dựng 11 đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong ở hạ lưu vực (9 trên đất Lào và 2 trên lãnh thổ Campuchia), và dự án của Thái Lan chuyển một lượng nước từ sông Mekong sang lưu vực sông Chao Phraya.

Chính phủ Việt Nam đã chủ động đưa ra một dự án đánh giá các tác động (Mekong Delta Study). Rất tiếc dự án này không đạt được yêu cầu đề ra³.

Tác động kép sẽ càng mãnh liệt hơn. Đồng bằng bị đe dọa trong chính sự tồn tại của mình.

² C.Thorne, G.Annandale, J.Jensen, *Review of Sediment Transport, Morphology, and Nutrient Balance, Part of The MRCS Xayaburi Prior Consultation Project Review Report*, March 2011.

³ Nguyễn Ngọc Trân, *Nhận xét báo cáo đánh giá tác động của Dự án MDS*, trình bày tại Hội thảo khoa học tại Trường Đại học Cần Thơ, 04.03.2016.

Thách thức tại địa bàn, ngoài việc mất rừng ngập mặn và rừng tràm, còn là việc khai thác cát trên sông Tiền, sông Hậu, làm trầm trọng thêm sự thâm hụt cán cân trầm tích⁴; là việc khai thác quá mức nước ngầm làm mặt đất sụt lún kéo theo mực nước biển dâng thực tế ngày càng nhanh hơn⁵. (Hình 4, 5).

Thách thức tại địa bàn còn là phát triển nông nghiệp vẫn thiên về chiều rộng hơn chiều sâu, vẫn thiên về số lượng hơn chất lượng, dẫn đến lãng phí tài nguyên, đặc biệt tài nguyên đất và tài nguyên nước trong khi thu nhập bình quân đầu người so với cả nước không ngừng đi xuống từ năm 2000 đến nay. (Hình 6).

Thách thức tại địa bàn còn do thiếu một cơ chế *phát triển vùng* để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả vùng; do thiếu sự *liên kết chuỗi* nên giá trị các mặt hàng nông sản xuất khẩu của đồng bằng thấp, sức cạnh tranh yếu.

Tại địa bàn còn là *năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực* còn thấp, là *cơ giới hóa và hạ tầng cơ sở* chưa tương xứng với tiềm năng của đồng bằng.

Các thách thức toàn cầu, khu vực và tại địa bàn *không tác động riêng lẻ* mà *cùng nhau và liên hoàn* tác động, nhân lên hậu quả của các tác hại, là *thách thức tổng hợp* đối với sự phát triển bền vững của đồng bằng.

Nhận thức

Từ tháng 1.2016 của mùa khô năm 2015 – 2016, hầu như không có mưa trong hạ lưu vực, bóc trần *sự lệ thuộc* của nguồn nước sông Mekong chảy về hạ lưu vực vào *lượng nước xả ra từ các đập* của chuỗi đập thủy điện Trung Quốc.

1. Nhận thức nguồn nước sông Mekong phải được xem là *tài sản chung của tất cả các quốc gia trong lưu vực* là cơ bản và bức thiết.

2. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, *sự khan hiếm nước ngọt* đã được dự báo. *Các tình huống cực đoan* có thể sẽ xảy ra nhiều hơn, với cường độ mạnh hơn. *Quản lý tốt nguồn nước sông Mekong* là một yêu cầu bắt buộc để giảm thiểu các tác hại.

3. Đối với các quốc gia trong lưu vực, đặc biệt ở châu thổ, *sử dụng tiết kiệm*, với *hiệu quả cao* nguồn nước ngọt trong sản xuất nông nghiệp là một thay đổi cơ bản trong nhận thức cần có.

4. Cùng với các nhận thức trên đây, tại châu thổ, trong vùng mà quá trình biến chiếm ưu thế, *chung sống với nước mặn, xem nước mặn và lợ là một dạng tài nguyên* cần được khai thác, là một sự thay đổi cần thiết trong nhận thức để phát triển bền vững.

Hành động

⁴ J.P. Bravard, M. Goichot, S. Gaillot, *Geography of Sand and Gravel Mining in the Lower Mekong River*, First Survey and Impact Assessment, EchoGeo, 26 (2013), 10-12.2013.

⁵ Laura E Erban, Steven M Gorelick and Howard A Zebker, Groundwater extraction, land subsidence, and sea-level rise in the Mekong Delta, Vietnam Environ. Res. Lett. 9 (2014) 084010 (6pp)

1. Đã đến lúc 6 nước trong lưu vực phải xây dựng một *cơ chế sử dụng nguồn nước*, trong đó quyền và lợi ích của mỗi quốc gia phải đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cả lưu vực, với tinh thần *hợp tác để cùng phát triển*.

Để quản lý tốt nguồn nước sông Mekong và các rủi ro từ biến đổi khí hậu, *việc chia sẻ các số liệu thủy văn, cơ chế vận hành* của chuỗi đập thủy điện giữa các nước trong lưu vực là phải là một yêu cầu *mang tính bắt buộc*.

Mọi dự án khai thác nguồn nước sông Mekong cần được thuyết minh đánh giá tác động lên môi trường của toàn lưu vực, trước mắt, trung hạn, và dài hạn.

Hội nghị cấp cao hợp tác Mekong - Lan Thương lần thứ nhất tại Tam Á (Trung Quốc) liên quan đến sử dụng nguồn nước sông Mekong ngày 23.3.2016 là một bước đi cần được thể hiện tiếp theo bằng những hành động, dự án cụ thể, chân thực đúng với tinh thần *hợp tác để cùng phát triển*.

Tổ chức Hợp tác Lancang – Mekong (LMC) hoạt động phải trên cơ sở xác định nguồn nước sông Mekong là *tài sản chung của các quốc gia trong lưu vực*. Hoạt động của LMC phải được quy định bằng một điều ước quốc tế, mà *Công ước Liên hiệp quốc về dòng chảy các sông* năm 1997 là một cơ sở tốt để tham khảo. Hiệp định MRC 1995 cũng là một cơ sở khác để tham khảo và rút kinh nghiệm nhằm đi đến những quy định mang tính ràng buộc hơn.

Giữa sông Mekong và sông Rhin (Rhine, Rhein, Rijn, ...) có nhiều điểm tương đồng. Cần tham khảo các điều ước quốc tế và quốc gia quy định về việc sử dụng nguồn nước sông Rhin.

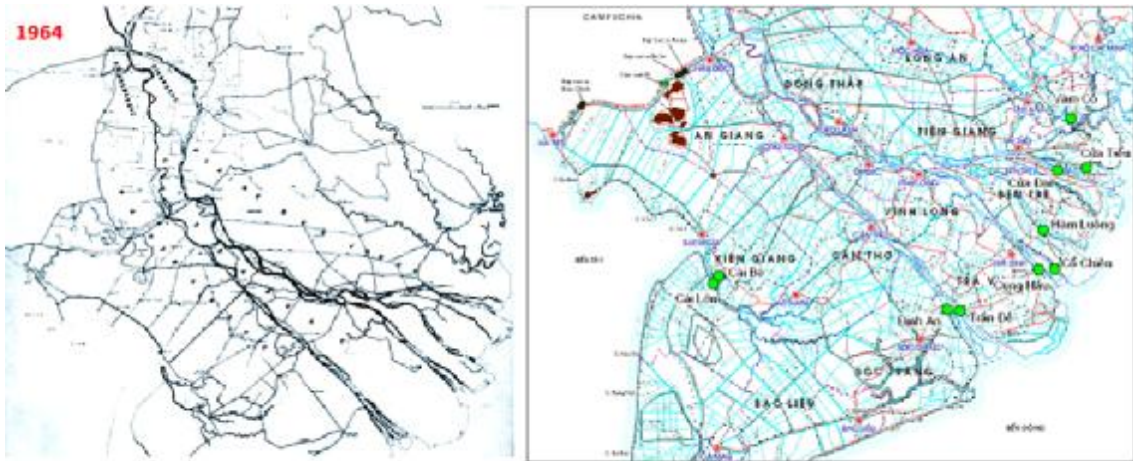
2. Các Bộ, Ủy ban Mê Công Việt Nam, cùng các nhà khoa học cần *phát hiện, theo dõi, đánh giá tác động* của các dự án khai thác nguồn nước ở thượng nguồn từ khi chúng mới manh nha, *chỉ ra kịp thời* các tác hại để Chính phủ có cơ sở đàm phán vì lợi ích của đồng bằng, của quốc gia, và vì lợi ích của cả lưu vực.

3. Hơn bao giờ, trong bối cảnh mới, *rà soát lại quy hoạch tổng thể* phát triển kinh tế xã hội, và các quy hoạch phát triển ngành, địa phương theo hướng phải *tiết kiệm nước ngọt, chung sống với hạn và mặn, khai thác nước mặn như là một tài nguyên* như nhiều nước đã làm thành công, *đảm bảo nước ngọt cho sinh hoạt* của người dân. *Mô hình phát triển* ở đồng bằng phải chuyển dần, nhưng tích cực nhất có thể được, sang chiều sâu. Mảng công việc này đang chờ đợi sự cống hiến của các nhà khoa học.

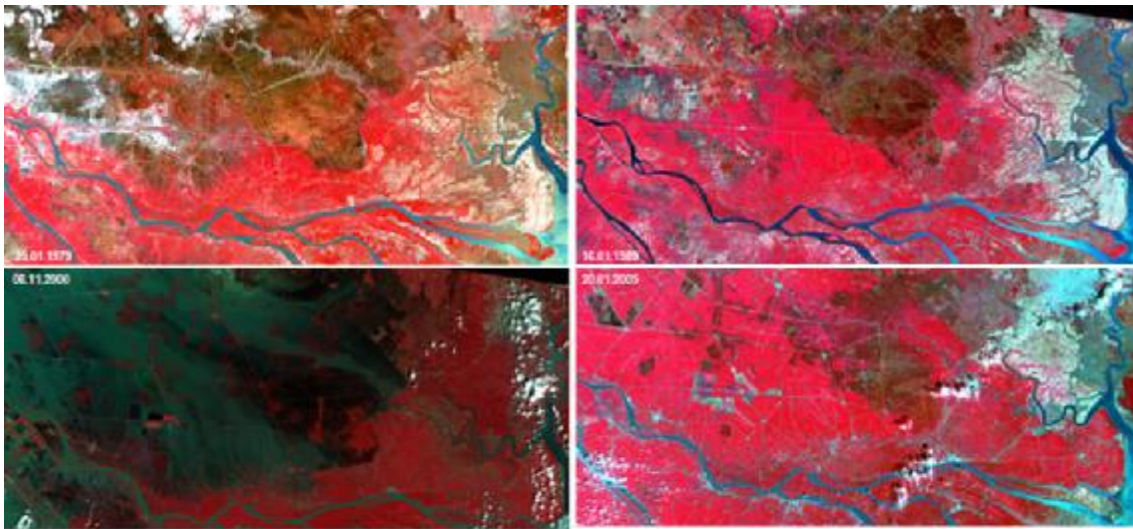
4. Các Bộ, các địa phương phải phối hợp chặt chẽ với nhau để đối diện với các thách thức. Vấn đề *đổi mới thể chế* và xác định *cơ chế phối hợp* là bức thiết.

5. Hơn bao giờ, sự *liên kết chuỗi, liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng* là bức thiết. Để phát triển bền vững, phải giải quyết tình trạng đồng bằng đang là *vùng trũng về giáo dục*. Cần đầu tư nhiều hơn nữa cho *hạ tầng cơ sở ở đồng bằng*.

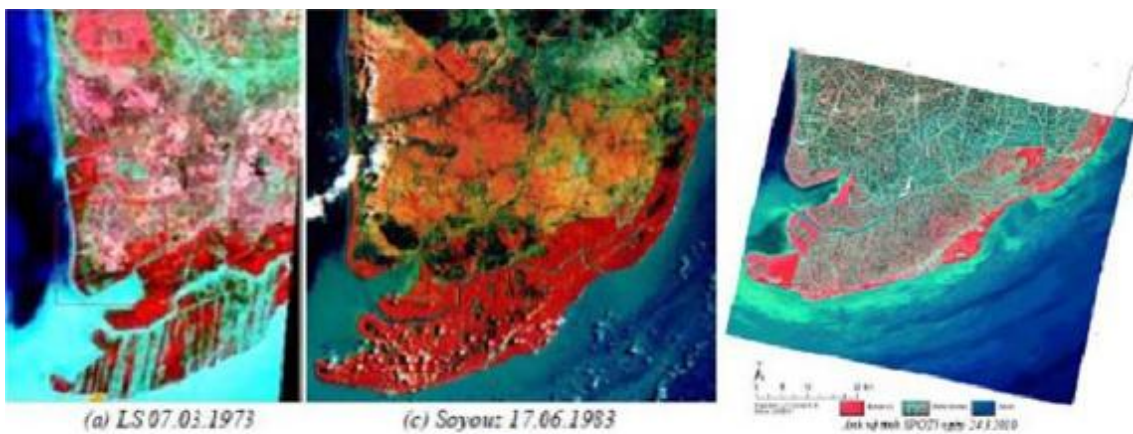
6. Sau hội nghị COP 21, nhiều nước sẵn sàng góp sức cùng Việt Nam ứng phó với BĐKH. *Khai thác có hiệu quả hay không sự sẵn sàng này tùy thuộc ở chúng ta*.



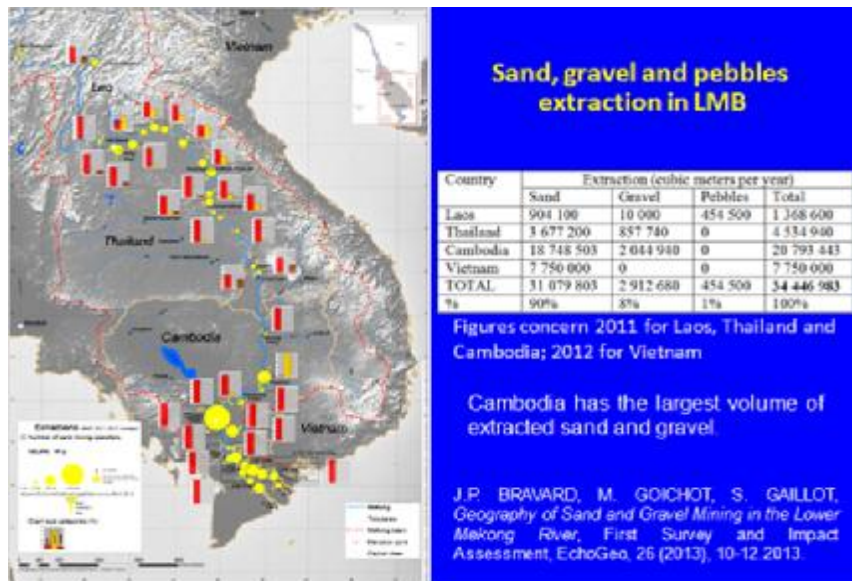
Hình 1. Mạng lưới kênh rạch ở ĐBSCL năm 1964 (T) và năm 2011 (P)



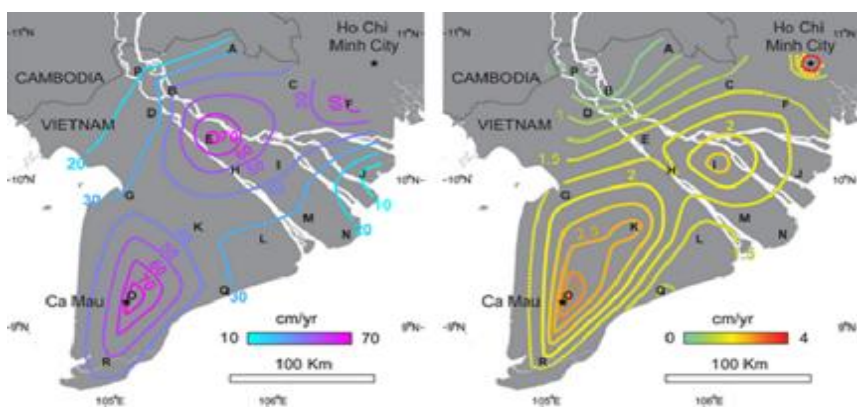
Diễn biến của Đồng Tháp Mười năm 1979 (trên T), năm 1989 (trên P), năm 2000 (dưới T) và năm 2005 (dưới P).



Hình 3. Diễn biến rừng ngập mặn ở Cà Mau. Ảnh vệ tinh 1973 (T), 1983 (G) và 2010 (P)

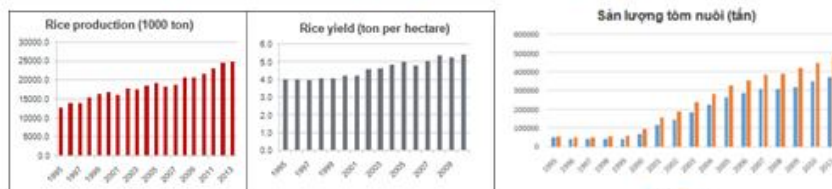


Hình 4. Khai thác cát, sỏi và cuội trong hạ lưu vực

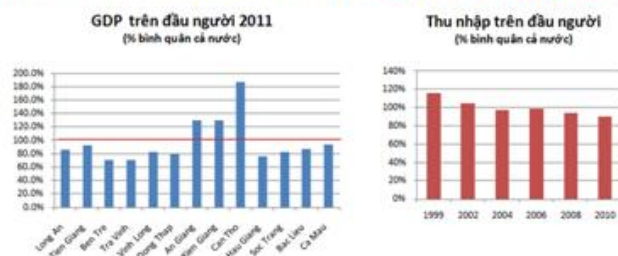


Hình 5. Tốc độ tụt của mực nước ngầm (T) và tốc độ sụt lún bề mặt của đồng bằng (P)

PHÁT TRIỂN MẠNH THEO CHIỀU RỘNG, ĐBSCL ĐANG TỤT HẬU SO VỚI CẢ NƯỚC



- ♦ Năm 2011, 10/13 tỉnh của ĐBSCL có GDP/đầu người **thấp hơn bình quân cả nước**.
- ♦ Thu nhập/đầu người so với bình quân cả nước **liên tục giảm trong 10 năm qua**.



Hình 6.